

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 7 năm 2020

BẢN TIN TUẦN
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC
PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
TRÊN LƯU VỰC DÒNG CHÍNH SÔNG ĐỒNG NAI, VÙNG ĐÔNG NAM BỘ
NĂM 2020

(Tuần từ ngày 09 tháng 7 năm 2020 đến ngày 15 tháng 7 năm 2020)

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1. Lượng mưa

Theo số liệu từ Đài KTTV Nam Bộ, kết quả lượng mưa quan trắc được tại các trạm trong tuần qua như sau:

Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)					Dự báo tình hình mưa tuần tới
			TBNN	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2016	
Biên Hòa	53,7	448,1	- 30,1	- 42,6	- 38,8	- 50,4	- 30,4	50,72
Bà Rịa	87,8	592,0	+ 20,6	- 9,4	+ 93,3	- 5,1	+ 59,7	68,46
Bù Đăng	26,6	712,2	- 25,6	- 26,5	- 38,0	- 39,3	- 4,8	44,27
Long Thành	50,4	661,8	+ 1,6	+ 3,0	+ 44,6	- 0,8	+ 12,9	66,15
Nhà Bè	103,4	382,9	- 31,5	- 20,6	- 47,5	- 41,1	- 1,9	62,21
Phước Hòa	1,8	472,2	- 32,7	- 3,2	+ 0,6	- 47,3	+ 4,5	30,47
Tà Lài	99,6	1.072,3	+ 13,1	+ 42,8	+ 56,4	+ 6,2	+ 6,9	62,83
Trị An	30,9	439,6	- 38,6	- 52,7	- 26,2	- 28,9	- 12,5	49,48
Túc Trưng	7,6	704,2	- 8,6	- 19,7	+ 54,8	- 17,0	+ 5,1	35,11
Vũng Tàu	72,3	426,6	- 19,8	+ 35,2	- 2,5	- 42,2	+ 36,2	56,39
Xuân Lộc	63,2	482,8	- 30,4	- 7,3	- 20,0	- 43,5	- 28,8	60,65
Xuyên Mộc	174,2	505,0	- 3,0	- 5,6	+ 98,5	- 10,9	+ 25,3	67,09
Trung bình	64,3	575,0	-15,4	-8,9	+14,6	- 26,7	+ 6,0	54,5

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

Nhận xét:

Lượng mưa lũy tích trung bình các trạm đo chính trên khu vực khoảng 64,3 mm, thấp hơn TBNN 15,4%, thấp hơn năm 2019 là 8,9%, cao hơn năm 2018 khoảng 14,6%, thấp hơn 26,7% so với năm 2017 và cao hơn 6,0% so với năm 2016. Lượng mưa lớn nhất trong tuần tại trạm Xuyên Mộc (174,2 mm) và lượng mưa nhỏ nhất trong tuần trạm Phước Hòa (1,8 mm). Một số trạm có mưa to như: trạm Tà Lài mưa to 85,0 mm ngày 05/7 (tỉnh Đồng Nai); trạm Xuyên Mộc mưa to 53,8 mm ngày 03/7, mưa to ngày 05/7 với vũ lượng 64,4 mm (Bà Rịa – Vũng Tàu).

Lượng mưa trung bình dự báo trong giai đoạn tiếp theo là khoảng 54,5 mm, có xu hướng xấp xỉ trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Nhiệt độ trung bình dự báo phổ biến ở mức cao hơn TBNN cùng thời kỳ.

2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	Dung tích trữ hiện tại (triệu m ³)	W trữ hiện tại so với W _{tk} (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Xu thế nguồn nước tuần tới	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2019	2018	2017		
Hồ Suối Vọng	4	0,63	15,85	- 18,6	- 0,9	- 5,2	- 25,4	Tăng	68,10
Hồ Gia Ui	10,8	1,34	12,36	- 69,1	- 55,5	- 58,0	- 79,0	Tăng	57,41
Hồ Núi Le	3,5	1,96	55,89	- 6,8	+ 36,9	- 4,9	- 37,1	Tăng	89,21
Hồ Suối Đầm	1,2	0,87	72,63	+ 15,5	+ 30,6	- 4,8	- 7,3	Tăng	63,50
Hồ Suối Rang	2,6	1,65	63,45	+ 29,8	- 4,5	+ 17,3	- 22,2	Tăng	82,34
Hồ Giao Thông	0,50	0,22	43,72	- 0,6	+ 45,7	- 15,9	- 31,7	Tăng	62,20
Hồ Sông Mây	15	4,94	32,93	- 35,8	- 38,2	- 43,9	- 48,3	Tăng	76,78
Hồ Mo Nang	1,15	0,20	17,20	- 58,3	- 69,4	- 49,7	- 51,8	Tăng	54,92
Hồ Suối Đồi	1,2	0,51	42,30	- 28,9	- 44,0	- 33,5	- 33,2	Tăng	73,09
Hồ Cầu Mới tuyến V	9	4,53	50,33	+ 9,3	+ 3,0	+ 30,7	- 37,1	Tăng	100,00
Hồ Cầu Mới tuyến VI	21	4,89	23,30	+ 0,7	+ 30,7	+ 3,3	- 38,4	Tăng	70,74
Hồ Suối Tre	0,64	0,44	69,30	- 15,7	+ 0,3	- 27,5	- 30,4	Tăng	97,75
Hồ Đa Tôn	19,4	4,89	25,18	+ 27,5	+ 90,6	+ 35,2	- 12,7	Tăng	63,80
Hồ Bà Long	1,2	1,00	83,67	+ 70,2	+ 1,8	+ 17,8	+ 133,5	Tăng	90,65
Hồ Thanh Niên	0,6	0,40	66,17	- 3,3	- 8,2	- 0,6	- 7,7	Tăng	98,14
Hồ Sông Ray	215,36	52,91	24,57	- 25,9	+ 147,2	+ 33,0	- 57,1	Tăng	37,25
Hồ Đá Đen	33,4	11,30	33,84	- 18,0	- 15,5	- 18,1	- 41,1	Tăng	67,40
Hồ Tâm Bó	5,85	1,96	33,56	+ 29,1	+ 119,4	+ 5,8	- 6,5	Tăng	67,18
Hồ Đá Bàn	11,35	1,94	17,14	+ 3,4	+ 16,7	- 27,0	+ 146,2	Tăng	61,11
Hồ Lô Ô	6	2,10	35,07	- 22,9	- 1,9	+ 1,0	- 24,6	Tăng	87,22
Hồ Suối Giàu	12,2	1,38	11,33	- 57,3	- 22,1	- 29,1	- 77,9	Tăng	51,42
Trung bình/Tổng	375,95^(*)	100,07	26,62	- 8,4	+ 12,5	- 8,3	- 18,6		51,05

Ghi chú: “+”, “-” Dung tích trữ tăng, giảm so với cùng kỳ; (*): Giá trị tổng.

Nhận xét:

Tổng dung tích trữ thiết kế của các công trình trên khu vực là 375,95 triệu m³. Nguồn nước trong các hồ chứa tính đến thời điểm ngày 08/7/2020 ở mức thấp so với DTTK, tổng dung tích trữ hiện tại là 100,07 triệu m³ (đạt 26,62% DTTK). Tổng dung tích trữ các hồ chứa cao hơn so với cùng kỳ năm 2019, thấp hơn cùng kỳ các năm 2017-2018 và thấp hơn cùng kỳ TBNN. Một số hồ có dung tích trữ thấp dưới 30% DTKK như: Hồ Sông Ray (24,57% DTTK), hồ Đá Bàn (17,14% DTTK), hồ Suối Giàu (11,33% DTTK) thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hồ Suối Vọng (15,85% DTTK), hồ Gia Ui (12,36% DTTK), hồ Mo Nang (17,20% DTTK), hồ Cầu Mới Tuyến VI (23,30% DTTK) và hồ Đa Tôn (25,18% DTTK) thuộc tỉnh Đồng Nai.

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC

1. Khả năng cấp nước

a. Kế hoạch sử dụng nước

Theo kết quả tính toán, tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất tháng 7 của vụ Hè Thu năm 2020 của 21 hồ chứa lớn và vừa trên lưu vực dòng chính sông Đồng Nai (vùng Đông Nam Bộ) là **27,86** triệu m³.

TT	Tên hồ chứa	Vụ Hè Thu năm 2020				Nhu cầu nước tưới tháng 7 cho vụ Hè Thu năm 2020 (10 ⁶ m ³)
		Diện tích sản xuất vụ Hè Thu năm 2020 (ha)				
		Lúa	Rau màu	Cây CNDN	Thủy sản	
Tổng cộng		5.891,8	1.314,8	1.631,0	330,4	27,86
1	Hồ Suối Vọng			0		0,00
2	Hồ Gia Ui	186,85				0,19
3	Hồ Núi Le					0,12
4	Hồ Suối Đầm					0,00
5	Hồ Suối Rang			50		0,02
6	Hồ Giao Thông					0,00
7	Hồ Sông Mây	385,43	30,8		320,37	8,51
8	Hồ Mo Nang	36			4	0,05
9	Hồ Suối Đồi	9,55				0,02
10	Hồ Cầu Mới tuyến V	39	550		3	2,84
11	Hồ Cầu Mới tuyến VI					
12	Hồ Suối Tre					0,00
13	Hồ Đa Tôn	850	13		3	1,09
14	Hồ Bà Long	0				0,00
15	Hồ Thanh Niên	55	0			0,07
16	Hồ Sông Ray	1.978,00	521	878		4,31
17	Hồ Đá Đen			300		5,89
18	Hồ Tâm Bó	292	75	368	0	0,71
19	Hồ Đá Bàn	1.567,00	0	0	0	3,06
20	Hồ Lò Ô	106				0,19
21	Hồ Suối Giàu	387	125	35	0	0,78

b. Dự báo nguồn nước đến hồ chứa

TT	Tên hồ chứa	Dự báo khả năng dòng chảy tới các hồ chứa tháng 7 năm 2019 (10 ⁶ m ³)
1	Hồ Suối Vọng	2,19
2	Hồ Gia Ui	2,97
3	Hồ Núi Le	2,56
4	Hồ Suối Đầm	1,84
5	Hồ Suối Rang	2,15
6	Hồ Giao Thông	0,15
7	Hồ Sông Mây	4,71
8	Hồ Mo Nang	0,20
9	Hồ Suối Đồi	0,38
10	Hồ Cầu Mới tuyến V	5,01
11	Hồ Cầu Mới tuyến VI	6,94
12	Hồ Suối Tre	1,11
13	Hồ Đa Tôn	7,27
14	Hồ Bà Long	0,27
15	Hồ Thanh Niên	0,09
16	Hồ Sông Ray	83,05
17	Hồ Đá Đen	14,44
18	Hồ Tâm Bó	1,74
19	Hồ Đá Bàn	2,26
20	Hồ Lò Ô	2,90
21	Hồ Suối Giàu	2,15

c. Kết quả tính toán cân bằng nước và các khuyến cáo cho từng công trình

Dựa vào xu thế mưa một số năm gần đây; kết quả dự báo của Đài KTTV khu vực Nam Bộ; kế hoạch sử dụng nước; và kết quả tính toán cân bằng nước tháng 7 cho vụ Hè Thu, kết quả dự báo tuần từ ngày 09/7/2020 đến ngày 15/7/2020 như sau:

- **21/21 hồ chứa có khả năng đảm bảo cấp nước 100%:** Hồ Suối Vọng, hồ Gia Ui, hồ Núi Le, hồ Suối Đầm, hồ Suối Rang, hồ Giao Thông, hồ Sông Mây, hồ Mo Nang, hồ Suối Đồi, hồ Cầu Mới tuyến V, hồ Cầu Mới tuyến VI, hồ Suối Tre, hồ Đa Tôn, hồ Bà Long, hồ Thanh Niên, hồ Sông Ray, hồ Đá Đen, hồ Tầm Bó, hồ Đá Bàn, hồ Lò Ô, hồ Suối Giàu.

Tên công trình	Dung tích hiện tại so với DTTK (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Hè Thu năm 2020 từ ngày 09/7/2020 đến 15/7/2020			Ghi chú
			Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
Hồ Suối Vọng	15,85	0	16,25	100	0	Đủ nước
Hồ Gia Ui	12,36	186,85	12,89	100	186,85	Đủ nước
Hồ Núi Le	55,89	0	69,56	100	0	Đủ nước
Hồ Suối Đầm	72,63	0	74,00	100	0	Đủ nước
Hồ Suối Rang	63,45	50	66,98	100	50	Đủ nước
Hồ Giao Thông	43,72	0	48,20	100	0	Đủ nước
Hồ Sông Mây	32,93	736,6	37,02	100	736,6	Đủ nước
Hồ Mo Nang	17,20	40	18,36	100	40	Đủ nước
Hồ Suối Đồi	42,30	9,55	43,27	100	9,55	Đủ nước
Hồ Cầu Mới tuyến V	50,33	592	55,39	100	592	Đủ nước
Hồ Cầu Mới tuyến VI	23,30		25,55	100		Đủ nước
Hồ Suối Tre	69,30	0	70,34	100	0	Đủ nước
Hồ Đa Tôn	25,18	866	26,47	100	866	Đủ nước
Hồ Bà Long	83,67	0	82,19	100	0	Đủ nước
Hồ Thanh Niên	66,17	55	71,19	100	55	Đủ nước
Hồ Sông Ray	24,57	3377	29,48	100	3377	Đủ nước
Hồ Đá Đen	33,84	300	37,77	100	300	Đủ nước
Hồ Tầm Bó	33,56	735	37,76	100	735	Đủ nước
Hồ Đá Bàn	17,14	1567	22,93	100	1567	Đủ nước
Hồ Lò Ô	35,07	106	42,37	100	106	Đủ nước
Hồ Suối Giàu	11,33	547	14,30	100	547	Đủ nước
Trung bình/Tổng	26,62	9.168,00^(*)	30,91	100	9.168,00^(*)	

Ghi chú: ^(*) giá trị tổng.

2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
Tà Lài	Mã Đà, Phú Lý – Vĩnh Cừ	1135,1	+ 193,7	+ 9	- 25	Rủi ro hạn thấp
	Phú Xuân – Tân Phú					
Túc Trung	Xuân Thiện, Quang Trung – Thống Nhất	739,3	+ 45,7	- 11,2	- 39,0	Rủi ro hạn thấp
Trị An	Cây Gáo, Đồi 61 – Trảng Bom	489,1	+ 15,4	- 36,9	- 56,7	Rủi ro hạn thấp

Long Thành	Bình Sơn, Bình An, Bà Cạn – Long Thành	728,0	+ 85,3	+ 1,6	- 39,6	Rủi ro hạn thấp
Trung bình		772,9	+ 85,0	- 9,3	- 40,0	Rủi ro hạn thấp

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

Nhận xét và khuyến cáo:

Lượng mưa trung bình của các khu vực nằm ngoài công trình thủy lợi thấp hơn lượng mưa TBNN 9,3%, cao hơn 85,0% so với năm có lượng mưa nhỏ nhất. Khu vực hiện tại đang trong mùa mưa, tuần qua tiếp tục phổ biến mưa nhỏ đến mưa vừa nên khả năng xảy ra hạn hán thiếu nước đối với các vùng sản xuất thấp. Tuy nhiên, khuyến cáo người dân có kế hoạch sử dụng nguồn nước tại chỗ hợp lý, sử dụng các biện pháp tưới tiết kiệm nước, nạo vét, khơi thông dòng chảy sông, suối nhằm tận dụng triệt để nguồn nước mặt trữ vào ao, bầu. Cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo thời tiết và bản tin dự báo nguồn nước tiếp theo.

3. Tổng hợp thông tin hạn hán:

Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/giảm)
9.168	5.892	3.276					

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 15/7/2020 cho thấy tổng dung tích trữ trong các hồ chứa đạt 116,19 triệu m³ (chiếm 30,91% so với dung tích trữ thiết kế). Nguồn nước tại 21/21 hồ chứa trên lưu vực dòng chính sông Đồng Nai (vùng Đông Nam Bộ) có khả năng đáp ứng đủ 100% cho sản xuất nông nghiệp và cấp nước theo nhiệm vụ thiết kế. Vì vậy, kế hoạch sử dụng nước tại các hồ thủy lợi đến ngày 15/7/2020 không thay đổi.

Để bảo đảm cấp nước cho sản xuất nông nghiệp vụ Hè Thu 2020, kiến nghị một số nội dung sau: **(1)** Các khu vực có công trình thủy lợi, cần tận dụng tối đa nguồn nước tự nhiên từ ao, hồ, sông suối, kênh rạch để cung cấp cho sản xuất Hè Thu, tiết kiệm nguồn nước từ các hồ chứa thủy lợi để dành cung cấp cho cả vụ Mùa; **(2)** Các vùng ngoài phạm vi cấp nước của các CTTL cần theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, nguồn nước để thực hiện kế hoạch gieo trồng, giảm thiểu thiệt hại khi nguồn nước không đảm bảo. Tranh thủ bơm, tát, trữ nước dự trữ khi có điều kiện về nguồn nước; **(3)** Xây dựng phương án phòng, chống úng, ngập, đề phòng ngập úng cục bộ do mưa lớn, bảo đảm chủ động ứng phó, bảo vệ sản xuất sản xuất nông nghiệp đặc biệt đối với những diện tích mới gieo sạ; **(4)** Khẩn trương kiểm tra, sửa chữa công trình đảm bảo sẵn sàng phục vụ trong mọi tình huống trong mùa mưa lũ. **(5)** Tăng cường công tác

tuyên truyền, thường xuyên thông báo tình hình thời tiết, nguồn nước để điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp.

Trên cơ sở bản tin dự báo nguồn nước của 21 hồ chứa trên lưu vực dòng chính sông Đồng Nai-vùng Đông Nam Bộ, các địa phương cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo hàng tuần tiếp theo và phản hồi những diễn biến bất thường về thời tiết, kế hoạch sản xuất, quản lý vận hành công trình hồ chứa tới Tổng cục Thủy lợi và Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam để kịp thời cập nhật tin dự báo.

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 16/7/2020 (tuần sau)./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục Thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo các sở NN&PTNT, CCTL, Cty KTCTTL 06 tỉnh vùng ĐNB;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc TCTL (để b/c);
- Cục Trồng trọt (Phòng CLT);
- Website TCTL, website Viện QHTLMN (để đăng tin);
- Lưu P. QHTL ĐNB và phụ cận.

VIỆN TRƯỞNG